Họ và tên: _____ Lớp: _____ Ngày: _____

Cách em làm và kiểm

Khoảng 90 nắp hoặc vật đếm, khay/giấy làm nhóm, giấy và bút. Có thể dùng lại vật sau mỗi nhiệm vụ; không cần lấy hết vật cùng một lúc.
Mỗi nhiệm vụ dùng dữ kiện riêng; những nhóm được gộp hoặc chia phải bằng nhau theo đề.
Em có thể dùng vật, vẽ, nhẩm rồi viết phép tính theo yêu cầu. Không cần thuộc nhanh cả bảng trước khi được mở bài khác.

BÀI 1

Bảng nhân 6

Dùng nhóm 6 để lập, nhẩm và vận dụng bảng nhân 6.

VÍ DỤ

Mỗi khay có 6 nắp, 2 khay có 6 × 2 = 12 nắp. Thêm một khay thì thêm 6 nắp: 6 × 3 = 18. Dùng cách tăng đều để kiểm các phép trong bảng.

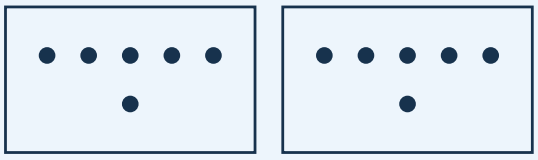

1 Xem các khay dưới đây. Nói mỗi khay có bao nhiêu, có bao nhiêu khay; viết phép nhân tìm tất cả số chấm.

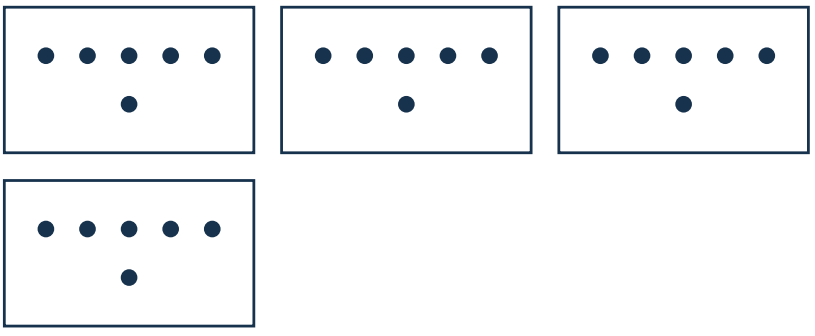

_____

_____

LUYỆN THÊM · LT1

Có 5 nhóm, mỗi nhóm 6 nắp. Bớt một nhóm thì còn bao nhiêu nắp? Viết phép tính để kiểm.

_____

_____

Họ và tên: _____ Lớp: _____ Ngày: _____

Cách em làm và kiểm

2 Tính 6 × 2 và 6 × 6. Dùng kết quả thứ hai để tìm 6 × 7; giải thích phần thêm.

3 Tính 6 × 1, 6 × 8, 6 × 10, 6 × 5; chọn một phép để kiểm bằng nhóm thật hoặc đếm thêm.

4 Có 9 túi, mỗi túi 6 nhãn. Có tất cả bao nhiêu nhãn? Viết phép tính và câu trả lời; nói cách em kiểm.

BÀI 2

Bảng chia 6

Dùng bảng nhân 6 để chia hết và kiểm kết quả chia cho 6.

VÍ DỤ

6 × 4 = 24, nên 24 : 6 = 4. Nếu chia 24 vật đều vào 6 nhóm thì mỗi nhóm 4 vật; nếu mỗi nhóm 6 vật thì được 4 nhóm.

1 Chia 30 nắp đều vào 6 khay. Mỗi khay có bao nhiêu nắp? Viết phép tính và dùng nhân để kiểm.

Họ và tên: _____ Lớp: _____ Ngày: _____

Cách em làm và kiểm

2 Có 42 nhãn, xếp mỗi hộp 6 nhãn. Cần bao nhiêu hộp? Nêu đơn vị của kết quả.

3 Tính 54 : 6, 60 : 6, 6 : 6, 12 : 6, 18 : 6, 36 : 6. Chọn một phép nhân để kiểm.

4 Có 48 bông hoa, cắm đều vào 6 lọ. Bạn nói mỗi lọ 42 bông vì đã trừ 6. Em dùng vật hoặc bảng nhân để kiểm và sửa.

BÀI 3

Bảng nhân 7

Dùng nhóm 7 để lập, nhẩm và vận dụng bảng nhân 7.

VÍ DỤ

Mỗi khay có 7 nắp, 2 khay có 7 × 2 = 14 nắp. Thêm một khay thì thêm 7 nắp: 7 × 3 = 21. Dùng cách tăng đều để kiểm các phép trong bảng.

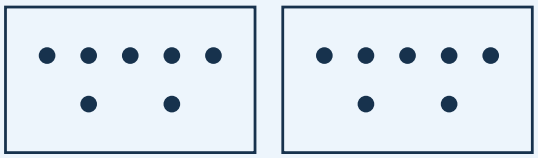

Họ và tên: _____ Lớp: _____ Ngày: _____

Cách em làm và kiểm

1 Xem các khay dưới đây. Nói mỗi khay có bao nhiêu, có bao nhiêu khay; viết phép nhân tìm tất cả số chấm.

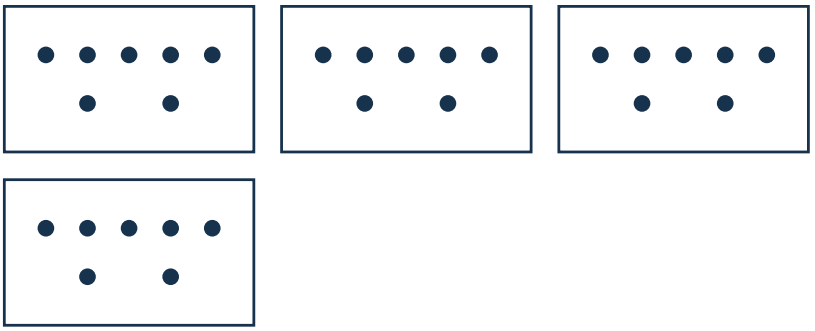

2 Tính 7 × 2 và 7 × 6. Dùng kết quả thứ hai để tìm 7 × 7; giải thích phần thêm.

3 Tính 7 × 1, 7 × 8, 7 × 10, 7 × 5; chọn một phép để kiểm bằng nhóm thật hoặc đếm thêm.

4 Có 9 túi, mỗi túi 7 nhãn. Có tất cả bao nhiêu nhãn? Viết phép tính và câu trả lời; nói cách em kiểm.

Họ và tên: _____ Lớp: _____ Ngày: _____

Cách em làm và kiểm

BÀI 4

Bảng chia 7

Dùng bảng nhân 7 để chia hết và kiểm kết quả chia cho 7.

VÍ DỤ

7 × 4 = 28, nên 28 : 7 = 4. Nếu chia 28 vật đều vào 7 nhóm thì mỗi nhóm 4 vật; nếu mỗi nhóm 7 vật thì được 4 nhóm.

1 Chia 35 nắp đều vào 7 khay. Mỗi khay có bao nhiêu nắp? Viết phép tính và dùng nhân để kiểm.

2 Có 49 nhãn, xếp mỗi hộp 7 nhãn. Cần bao nhiêu hộp? Nêu đơn vị của kết quả.

3 Tính 63 : 7, 70 : 7, 7 : 7, 14 : 7, 21 : 7, 42 : 7. Chọn một phép nhân để kiểm.

4 Có 56 bông hoa, cắm đều vào 7 lọ. Bạn nói mỗi lọ 49 bông vì đã trừ 7. Em dùng vật hoặc bảng nhân để kiểm và sửa.

Họ và tên: _____ Lớp: _____ Ngày: _____

Cách em làm và kiểm

BÀI 5

Dùng bảng 6 và 7 trong chuyện

Chọn nhân, chia trong một chuyện với bảng 6 và 7 và tự kiểm.

VÍ DỤ

Bốn túi có cùng 7 viên bi: 7 × 4 = 28 viên. Khi thu 28 viên rồi chia đều vào 7 túi, mỗi túi 4 viên. Số túi và số viên mỗi túi phải theo đúng chuyện.

1 Có 8 hộp, mỗi hộp 6 bút. Viết phép tính và câu trả lời tìm số bút.

2 Có 42 bông, bó mỗi bó 7 bông. Đượcbao nhiêu bó? Giải thích đơn vị kết quả.

3 Chia 35 thẻ đều vào 7 khay. Bạn chọn 35 – 7. Em sửa và dùng nhân để kiểm.

4 Nhẩm 6 × 9 và 54: 6; nhẩm 7 × 10 và 70: 7. Nói mỗi cặp kiểm nhau thế nào.